

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU THÀNH  
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2021/HNGĐ-ST.

Ngày: 04-02-2021.

*V/v tranh chấp ly hôn.*

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH LONG AN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Võ Văn Tùng.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Huỳnh Thị Ngọc Hương.

Ông Võ Văn Long.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Phương Hồng – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành tỉnh Long An.

Ngày 04 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành tỉnh Long An, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 309/2020/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 11 năm 2020 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2021/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Hồng S, sinh năm 1987, địa chỉ: Số nhà 118A, ấp A, xã K, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre. (có mặt)

*Bị đơn:* Ông Bùi Thanh T, sinh năm 1990, địa chỉ: Số nhà 501/2, ấp P, xã T, huyện Châu Thành, tỉnh Long An. (vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Bà Nguyễn Thị Hồng S là nguyên đơn trình bày trong đơn khởi kiện, trong bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án như sau:* Bà S và ông T kết hôn và sống chung vào năm 2016, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An Khánh, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre. Bà S và ông T chung sống hạnh phúc được 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bà S và ông T không hợp nhau, bất đồng quan điểm. Bà S và ông T không còn sống chung với nhau từ giữa năm 2017 đến nay.

Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt, nên bà S quyết định ly hôn với ông T.

Về con chung: Bà S và ông T có 01 con chung tên Bùi Ngọc Bình A, sinh ngày 19/3/2017, hiện nay con chung đang sống chung với bà S. Nếu được ly hôn,

bà S yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, bà S yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng, mức cấp dưỡng là 1.500.000 đồng/tháng, thời gian thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng là từ tháng 02 năm 2021 cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Bị đơn là ông Bùi Thanh T đã được Toà án tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Các đương sự không còn trình bày hay yêu cầu gì khác.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Nguyễn Thị Hồng S và ông Bùi Thanh T kết hôn với nhau vào năm 2016, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An Khánh, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre vào năm 2016. Nay bà Nguyễn Thị Hồng S yêu cầu ly hôn với ông Bùi Thanh T, căn cứ vào các Điều 28, 35 và 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành tỉnh Long An thụ lý giải quyết.

[2] Ông Bùi Thanh T vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 227 và 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để xét xử vắng mặt đối với ông Bùi Thanh T.

[3] Bà Nguyễn Thị Hồng S và ông Bùi Thanh T chung sống hạnh phúc được 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bà S và ông T không hợp nhau, bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã. Các đương sự không hòa giải được mâu thuẫn làm cho mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Bà S và ông T không còn sống chung với nhau giữa năm 2017 đến nay. Xét thấy mâu thuẫn giữa các đương sự là trầm trọng, đời sống chung của các đương sự không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, do đó Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà S, cho bà S ly hôn với ông T.

[4] Về con chung: Bà Nguyễn Thị Hồng S và ông Bùi Thanh T có 01 con chung tên Bùi Ngọc Bình A, sinh ngày 19/3/2017, hiện nay con chung đang sống chung với bà S. Bà S yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, bà S yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng, mức cấp dưỡng là 1.500.000 đồng/tháng, thời gian thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng là từ tháng 02 năm 2021 cho đến khi con đủ 18 tuổi. Ông T không có ý kiến gì về việc nuôi con, cấp dưỡng nuôi con. Yêu cầu của bà S phù hợp quy định tại các Điều 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên chấp nhận.

[5] Các đương sự không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Bà Nguyễn Thị Hồng S phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn, ông Bùi Thanh T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm do thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại các khoản 5, 6 Điều 27 của Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng các khoản 5, 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

#### Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Hồng S, cho bà Nguyễn Thị Hồng S ly hôn với ông Bùi Thanh T.

2. Về nuôi con chung: Bà Nguyễn Thị Hồng S và ông Bùi Thanh T có 01 con chung tên Bùi Ngọc Bình A, sinh ngày 19/3/2017, hiện nay con chung đang sống chung với bà Nguyễn Thị Hồng S. Khi ly hôn, giao cho bà Nguyễn Thị Hồng S trực tiếp nuôi con chung tên Bùi Ngọc Bình A, ông Bùi Thanh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng, mức cấp dưỡng là 1.500.000 đồng/tháng (một triệu năm trăm nghìn đồng một tháng), thời gian thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng là từ tháng 02 năm 2021 cho đến khi con chung tên Bùi Ngọc Bình A đủ 18 tuổi. Ông Bùi Thanh T được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền cản trở. Các đương sự được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Hồng S phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn. Khấu trừ 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí bà Nguyễn Thị Hồng S đã nộp theo biên lai thu số 0000743, ngày 23 tháng 11 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành tỉnh Long An.

Ông Bùi Thanh T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm do thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng.

4. Bà Nguyễn Thị Hồng S được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông Bùi Thanh T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm.

5. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

*\*Nơi nhận:*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

- Tòa án tỉnh;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành;
- Chi cục thi hành án DS huyện Châu Thành;
- UBND xã An Khánh, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre;
- Các đương sự;
- Lưu (hồ sơ, án văn).

## **THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Văn Tùng